TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HS-PT
Ngày 07-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Bà Nguyễn Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Duy Đức – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Vang – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 23/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Do có kháng cáo của bị hại Mai Thị X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B.

Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1944 tại tỉnh T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Sồ (đã chết) và bà Phạm Thị L (đã chết); có chồng là Phạm Công H, sinh năm 1948; bị cáo có 02 người con: lớn sinh năm 1972, nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Minh T, sinh năm: 1978 - Văn phòng luật sư Nguyễn Thị T H và các cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Phòng 01 nhà 214 Nguyễn Huệ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

- Bị hại: Bà Mai Thị X – sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:

Ông Lê Ngọc H – Luật sư, Văn phòng luật sư Đ Tộc Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Phòng 1112 Thăng Long Tower, 33 Mạc Thái Tổ, Phường Y, quận C, thành phố H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Thôn 6, xã L, huyện P, tỉnh B**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/3/2019, bị cáo Nguyễn Thị T được biết em gái mình là Nguyễn Thị K mâu Tẫn với Mai Thị X. Quá trình mâu Tẫn, bà X chửi đến bố mẹ của bị cáo T nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 22/3/2019, bị cáo T đi từ nhà tại thôn 6, xã L đến gặp bà X tại quầy bán thịt heo của chợ Tộc thôn 1, xã L, huyện P và nói với bà X, sao mâu Tẫn với K mà chửi đến bố mẹ T. X nói với bị cáo "Tôi chửi con K chứ không chửi bà, nó chửi bố mẹ tôi thì tôi chửi lại". Sau đó, giữa hai bên chửi nhau qua lại thì X nói với T " Bà biến mẹ đi, bà không đủ tư cách nói chuyện với tôi, đồ con đĩ". Thấy mình bị xúc phạm, bị cáo T đang đứng bên lề đường trước quầy bán thịt heo của X rút một con dao bằng kim loại màu trắng (dài 32cm, rộng 03cm) để trong túi xách mang theo bên người rồi chỉ về phía X nói "Mày có tin tao đâm chết mày không" (BL 32-33). Nghe vậy, X nói "Tao thách mày đó", nói xong bà X từ bên trong quầy bán thịt heo cầm 01 con dao thường sử dụng để chặt xương, bằng kim loại màu đen dài 40cm, rộng 09cm đi ra trước mặt bị cáo T rồi hai bên đứng đối diện nhau đâm chém qua lại về hướng tay gây thương tích cho nhau. X cầm dao vừa chém vừa lùi vào bên trong sân nhà mình (bên trong quầy bán thịt heo), còn bị cáo T cầm dao đâm chỉa về phía tay bà X, đến khi cả hai vào đến trong sân nhà X thì X làm rơi dao xuống đất. Lúc đó, bà X nhảy tới dùng tay của mình cầm chặt tay đang cầm dao của T rồi giằng co dao với T, hai bên đang giằng co thì bà K chạy đến kéo đẩy vào người X làm cho T và X bị ngã xuống đất (X đè lên người T). Trong lúc ngã thì con dao mà X đang giữ trên tay của T quệt qua mặt gây thương tích cho T, ngay lúc đó ông Nguyễn Tiến A và ông Nguyễn Văn M đến can ngăn và kéo hai người ra rồi đưa họ đi cấp cứu.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 155/2019/TgT ngày 28/5/2019 xác định:

Sẹo ngang từ gò má phải đến ngang sống mũi kích thước (12 x 0,2)cm gọn, có kéo cánh mũi phải, ảnh hưởng thẩm mỹ: 11%.

Gãy 1/3 dưới xương trụ phải đang can xương lệch trục: 08%.

Sẹo bàn tay trái ngang xương bàn II, III, IV kích thước (7,5 x 0,2)cm lồi, dính, hạn chế gấp ngón II, III, IV: 08%;

Sẹo bàn tay trái: đốt 2, ngón I kích thước (3,5 x 0,1)cm; khớp đốt 1-2 ngón II kích thước (2,5 x 0,1)cm, cứng khớp đốt 1-2; mặt mu đốt 3 ngón III kích thước (01 x 0,5)cm; mặt mu đốt 2 ngón IV kích thước (1,5 x 0,2)cm; mặt mu khớp đốt 1-2 ngón V kích thước (01 x 0,3)cm; sẹo ô mô ngón I kích thước (01 x 0,5)cm.Tổng các vết thương trên là 06%.

Sẹo mặt trước trên đỉnh vành tai phải kích thước (2,5 x 0,2)cm: 01%.

Các vết thương trên có đặc điểm của tổn thương do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của bị cáo Nguyễn Thị T là 30% (Ba mươi phần trăm).

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 159/2019/TgT ngày 22/5/2019 xác định về thương tích của người bị hại Mai Thị X như sau:

Sẹo mặt trước-trong khuỷu trái kích thước (01 x 0,4)cm lồi.

Sẹo cẳng tay trái 1/3 trên trong kích thước (5,5 x 0,3)cm lồi.

Sẹo bàn tay trái mặt gan tay: khớp đốt 1-2 ngón II kích thước (1,5 x 0,1)cm và đốt 3 ngón V kích thước (1,5 x 0,1)cm mềm.

Sẹo bàn tay phải kẽ ngón I-II kích thước (5,0 x 0,1)cm mềm.

Các tổn thương trên có đặc điểm của tổn thương do vật sắc tác động trực tiếp gây ra.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Mai Thị X là 07% (Bảy phần trăm).

Người bị hại Mai Thị X làm đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với Nguyễn Thị T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

[2] Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 134; các điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện P nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 2 Điều 468; Điều 584, khoản 4 Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bà Mai Thị X số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Cấn trừ số tiền đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo Biên lai T tiền số 010865 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, bị cáo Nguyễn Thị T còn phải bồi thường tiếp số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho bà Mai Thị X. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/12/2019 bị hại bà Mai Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 01/2019/HSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Mai Thị X xin rút kháng cáo và rút toàn bộ yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tại phiên tòa bị hại Mai Thị X xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Việc bị hại X rút đơn kháng cáo và đơn yêu cầu khởi tố tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đình chỉ vụ án.

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đình chỉ vụ án.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đình chỉ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường và tất cả các chứng cứ đã được T thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/3/2019, bị cáo T đi đến gặp bị hại X tại chợ Tộc thôn 1, xã L. Tại đây giữa T và X có lời qua tiếng lại, X có chửi T "Bà biến mẹ đi, bà không đủ tư cách nói chuyện với tôi, đồ con đĩ". Thấy mình bị xúc phạm nên bị cáo T lấy 01 con dao chỉ về phía X nói "Mày có tin tao đâm chết mày không". Nghe vậy thì X nói "Tao thách mày đó" và cầm 01 con dao đi ra trước mặt bị cáo T rồi hai bên đứng đối diện nhau đâm chém qua lại. Khi cả hai đang giằng co trong sân nhà X thì bà Khuyên chạy đến kéo đẩy vào người X làm cho T và X bị ngã xuống đất. Ngay lúc đó ông Nguyễn Tiến A và ông Nguyễn Văn M đến can ngăn và kéo hai người ra rồi đưa họ đi cấp cứu. Hậu quả làm cho bị cáo Nguyễn Thị T bị tổn thương cơ thể là 30%, bị hại Mai Thi X bị tổn thương cơ thể là 07%. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo T về tội danh trên là đúng người, đúng tội.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Mai Thị X có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại chị Mai Thị X có đơn xin rút kháng cáo và rút toàn bộ yêu cầu khởi tố vụ án, đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Xét đơn xin rút kháng cáo và rút đơn yêu cầu khởi tố vụ án của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện, không bị ép buộc, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và khoản 2 Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự cần hủy bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và đình chỉ vụ án.

[3] Việc Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Thị T là do người bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, không phải do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử oan sai nên bị cáo không có quyền yêu cầu bồi thường theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước.

[4] Án phí

- Án phí hình sự sơ thẩm:

Do vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại, nay bị hại rút yêu cầu khởi tố vụ án, vụ án bị đình chỉ nên bị hại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 136 BLTTHS và điểm b, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cần sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần này.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 155, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

[1] Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2019/HSST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B. Đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch T tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại màu đen, phần lưỡi dài 28cm; cán do hình trụ tròn dài 12cm và 01 con dao nhọn bằng kim loại, màu trắng, bản rộng 04cm, lưỡi dao dài 20cm, cán dài 12cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng số 0011632 ngày 24/10/2019 của Chi cụ Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B).

[3] Án phí :

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị hại Mai Thị X phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)*

- Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Công an huyện P;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- PV06 - CA tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thư